

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK R'LẤP
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Bản án số: 26/2019/DS-ST

Ngày 28-11-2019

V/v: "*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NAM VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Anh

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Thùỵ

2. Ông Nguyễn Như Tạ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc R'Lấp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc R'Lấp tham gia phiên tòa:
Ông Phan Xuân Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc R'Lấp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 108/2019/TLST-DS ngày 20/5/2019, về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2019/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Thanh T, sinh năm 1985; Địa chỉ: TDP 01, thị trấn A, huyện B, tỉnh Đắc Nông – Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Mai Trọng N, sinh năm 1978; Địa chỉ: Thôn 9, xã G, huyện B, tỉnh Đắc Nông – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn anh Trần Thanh T trình bày: Ngày 06 tháng 8 năm 2018, anh có cho anh Mai Trọng N vay số tiền 3.500.000.000 đồng (Ba tỷ năm trăm triệu đồng) để anh N đáo hạn ngân hàng, thời hạn vay là 01 tháng, hạn trả là ngày 06/9/2018, hai bên có viết giấy tay với nhau. Đến ngày 06/9/2018 anh liên lạc với anh N thì được trả lời là chưa nhận được tiền vay lại từ ngân hàng nên chưa trả được và xin khất lại. Từ ngày 06/9/2018 đến ngày 18/11/2018 anh đã yêu cầu anh N trả nợ nhiều lần nhưng anh N vẫn không chịu trả. Từ ngày

18/11/2018 đến nay anh không liên lạc được với anh N nữa và anh N vẫn không chịu trả tiền đã vay cho anh.

Vì vậy, nay anh yêu cầu Tòa án buộc anh Mai Trọng N phải trả số tiền gốc 3.500.000.000 đồng và lãi phát sinh tính từ ngày 06/9/2018 đến ngày xét xử là $08 \text{ tháng} \times 1,125\%/\text{tháng} \times 3.500.000.000 \text{ đồng} = 315.000.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng cả gốc và lãi là 3.815.000.000 đồng.

Việc vay mượn giữa anh T và anh N không liên quan đến vợ anh T, đây là tiền riêng của anh T tự cho vay. Vợ anh N cũng không liên quan việc vay mượn này. Nay anh T chỉ yêu cầu mình anh N trả nợ cho anh. Chị Dương Thị Thùy L, vợ anh T cho rằng việc cho vay của anh T không liên quan đến tài sản chung của hai vợ chồng, chị không có yêu cầu gì.

Bị đơn anh Mai Trọng N không tham tố tụng tại Tòa án. Theo kết quả xác minh mà Công an xã G cung cấp thì anh N đã bỏ đi khỏi địa phương từ tháng 11/2018 cho đến nay không về và cũng không rõ tin tức là đi đâu. Khi đi khỏi địa phương anh N không cắt khẩu nên hiện nay anh N vẫn còn hộ khẩu thường trú tại thôn 9, xã G, huyện B, tỉnh Đắk Nông. Vì anh N không có mặt tại địa phương nên Tòa án không cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh N được, do đó Tòa án đã tiến hành niêm yết theo quy định pháp luật.

Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã xác định đúng thẩm quyền giải quyết vụ án theo Điều 27, 35 và 39 BLTTDS; đúng tư cách tham gia tố tụng quy định tại Điều 68 BLTTDS; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các Điều từ 93 đến 97 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và N vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Còn bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, 92, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466 Bộ luật dân sự, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 3.500.000.000 đồng và lãi phát sinh tính từ ngày 06/9/2018 đến ngày xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về quan hệ pháp luật:* Căn cứ yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thanh T yêu cầu anh Mai Trọng N phải trả nợ gốc là 3.500.000.000 đồng và lãi tính đến thời điểm xét xử. Theo quy định của pháp luật đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về thẩm quyền:* Bị đơn trú tại huyện B nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Anh Mai Trọng N là bị đơn trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào biên bản xác minh ngày 24/6/2019 thì anh N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: tại thôn 9, xã G, huyện B, tỉnh Đắk Nông nhưng anh N đã bỏ đi khỏi địa phương từ tháng 11/2018 cho đến nay mà không thông báo cho chính quyền địa phương và cũng không báo cho nguyên đơn biết việc thay đổi địa chỉ mới. Do đó, Tòa án không thể thực hiện được việc tổng đạt trực tiếp giấy triệu tập cho anh N để đến Tòa án để giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05-5-2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, tiến hành thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng đối với anh Mai Trọng N theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn anh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T theo quy định của pháp luật.

[3]. *Về nội dung:* Xét nội dung khởi kiện của anh T yêu cầu anh N trả số tiền gốc là 3.500.000.000đ và lãi theo quy định pháp luật từ ngày 06/9/2018 đến thời điểm xét xử, xét thấy:

Về chứng cứ: Để có căn cứ xác định chữ viết, chữ ký của bị đơn Mai Trọng N trong hợp đồng cho cá nhân vay tiền có phải là an N viết, ký không. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ là: Hợp đồng tín dụng số: 5300-LAV201706420; MSKH: 5300-320117464 ngày 02/8/2017; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 245396365/HĐTC-T.NGHIA4 ngày 17/10/2017; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 245396365/HĐTC-T.NGHIA3 ngày 27/7/2017; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 245396365/HĐTC-T.NGHIA2 ngày 27/7/2017 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Đắk Nông để đi trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký.

Căn cứ vào kết luận giám định số 219/GĐTL-PC 09, ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông “*Chữ ký mang*

tên Mai Trọng N dưới mục: Đại diện bên B trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký của Mai Trọng N trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M4) là do cùng một người ký ra”. Vì vậy, đã có đủ căn cứ xác định chữ viết, chữ ký trong hợp đồng cho cá nhân vay tiền là của bị đơn Mai Trọng N.

Về số tiền gốc: Căn cứ vào hợp đồng cho vay tiền ngày 06/8/2018 giữa anh Trần Thanh T và anh Mai Trọng N và lời khai của nguyên đơn là anh Trần Thanh T thì ngày 06/8/2018 anh N có vay anh T số tiền gốc là 3.500.000.000 đồng, hai bên không thỏa thuận rõ lãi suất mà chỉ thể hiện là theo quy định pháp luật, thời hạn vay là 01 tháng, hạn trả là ngày 06/9/2018. Anh T đã liên hệ yêu cầu trả nợ nhiều lần nhưng anh N không trả mà bỏ đi khỏi địa phương từ tháng 11/2018 đến nay không rõ tin tức. Điều đó chứng tỏ anh N có tình trốn tránh N vụ trả nợ số tiền đã vay của anh T. Do vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định anh N đã vi phạm N vụ trả nợ, anh T yêu cầu anh N phải trả 3.500.000.000 đồng tiền gốc là có căn cứ cần chấp nhận.

Về lãi suất: Trong giấy vay tiền không thỏa thuận lãi suất nhưng nguyên đơn yêu cầu tính lãi là 1,125%/tháng. Căn cứ theo Điều 468 của Bộ luật dân sự, thì yêu cầu của anh T không vượt quá khoản 1, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận.

Tính lãi từ ngày 06/9/2018 đến thời điểm xét xử ngày 28/11/2019 là 14 tháng 23 ngày.

$3.500.000.000 \text{ đồng} \times 1,125\% \times 14 \text{ tháng } 23 \text{ ngày} = 581.437.500 \text{ đồng}.$

Tổng cộng: 4.081.437.500 đồng (Tiền gốc 3.500.000.000 đồng và tiền lãi 581.437.500 đồng)

Đối với chị Hồ Thị C vợ anh Mai Trọng N: Nguyên đơn cho rằng việc vay tiền chị C không biết, không ký giấy và cũng anh T không yêu cầu chị C phải có N vụ trả. Vì vậy, anh không buộc chị C trả nợ cho anh T, hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu là phù hợp cần chấp nhận.

[5]. Về chi phí giám định: Căn cứ vào kết luận giám định chữ ký, chữ viết của Phòng Khoa học hình sự Công an tỉnh Đắk Nông kết luận chữ viết, chữ ký của anh Mai Trọng N. Vì vậy, anh N phải trả cho anh T 4.500.000 đồng, tiền chi phí giám định anh T đã nộp.

[6]. Về án phí: Anh N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo qui định của pháp luật.

[7]. Xét quan điểm và đường lối xử lý của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thanh T đối với anh Mai Trọng N.

Buộc anh Mai Trọng N phải trả cho anh Trần Thanh T 4.081.437.500 đồng (Tiền gốc 3.500.000 đồng và tiền lãi 581.437.500 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về chi phí giám định: Anh Mai Trọng N phải trả cho anh Trần Thanh T 4.500.000 đồng tiền chi phí giám định chữ viết, chữ ký.

3. Về án phí: Buộc anh Mai Trọng N phải nộp 112.081.437 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho anh Trần Thanh T 51.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000398 ngày 16/5/2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B, tỉnh Đắk Nông.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk R’Lấp;
- CC THADS huyện B;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ, vp.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Ngọc Anh